

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 94/QĐ-ĐHNT, ngày 21 tháng 8 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang)

Tên ngành: Kế toán

Mã ngành: 6340101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: (Chính quy/thường xuyên)

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

Chương trình giáo dục cao đẳng kế toán cung cấp cho sinh viên môi trường và những hoạt động giáo dục để họ hình thành và phát triển nhân cách, đạo đức, tri thức, các kỹ năng thực hành kế toán cơ bản và cần thiết nhằm đạt được thành công về nghề nghiệp trong lĩnh vực chuyên môn, đáp ứng nhu cầu xã hội.

1.2. Mục tiêu cụ thể (Chuẩn đầu ra):

Sinh viên tốt nghiệp chương trình giáo dục cao đẳng kế toán có các phẩm chất, kiến thức và kỹ năng sau:

a) Phẩm chất đạo đức, nhân văn và sức khỏe

- Lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt, hiểu biết về các giá trị đạo đức, trách nhiệm công dân, văn hóa - xã hội, kinh tế và pháp luật; ý thức và năng lực học tập suốt đời để nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn.
- Hiểu biết chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, vận dụng kiến thức toán, khoa học xã hội - nhân văn, công nghệ thông tin và kiến thức cơ sở vào chuyên ngành kế toán.

b) Kiến thức

- Thực hiện công tác kế toán tài chính, kế toán thuế, kế toán quản trị, kế toán chi phí trong các đơn vị kế toán.
- Thực hiện hệ thống thông tin kế toán trong các đơn vị kế toán.
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế.

c) Kỹ năng

- Có kỹ năng ngoại ngữ (bậc 2 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam) trong giao tiếp và tiếp cận giải quyết công việc chuyên.
- Có kỹ năng cơ bản về công nghệ thông tin (theo chuẩn do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành)
- Kỹ năng làm việc độc lập, theo nhóm, giao tiếp và truyền đạt thông tin trong lĩnh vực kế toán.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Sinh viên sau khi tốt nghiệp cao đẳng chuyên ngành kế toán có đủ kiến thức, kỹ năng và thái độ để có thể:

- Thực hiện công việc kế toán chi tiết các phân hành kế toán tại các đơn vị kế toán
- Thực hiện kế toán tổng hợp tại các đơn vị kế toán
- Trợ lý kế toán trong các đơn vị dịch vụ kế toán

- Khai báo thuế

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng học phần: 47

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 90 Tín chỉ

- Khối lượng các học phần chung/đại cương: tổng học phần đại cương: 33TC – 4955 giờ, trong đó:

Học phần chung:

+/ *Bắt buộc*: 24 TC – 360 giờ

+/ *Tự chọn*: 2 TC – 30 giờ

- Khối lượng các học phần, chuyên môn: 57 TC - 855 giờ, trong đó:

+/ *Bắt buộc*: 53TC – 795 giờ

+/ *Tự chọn*: 4TC – 60 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 656 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 628 giờ


3. Nội dung chương trình:

Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)				Đáp ứng CDR
			Trong đó				
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Thi/Kiểm tra	
A	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG						
I	Các học phần chung	26	390	196	172	24	
I.1	Học phần bắt buộc	24	360	192	146	22	
	Chính trị 1	2	30	20	8	2	1.1,1.2
	Chính trị 2	3	45	30	12	3	1.1,1.2
	Pháp luật đại cương	2	30	22	6	2	1.1,1.2
	Tin học cơ sở	2	30	22	6	2	3.2
	Thực hành tin học cơ sở	1	15		14	1	3.2
	Ngoại ngữ 1	4	60	30	26	4	3.1
	Ngoại ngữ 2	4	60	30	26	4	3.1
	Công tác an ninh	2	30	19	10	1	1.1,1.2
	Quân sự quốc phòng	3	45	17	26	2	1.1,1.2
	Điện kinh	1	15	2	12	1	1.1
I.2	Học phần tự chọn	2	30	4	24	2	
	Bóng đá	1	15	2	12	1	1.1
	Bóng chuyền	1	15	2	12	1	1.1
	Cầu lông	1	15	2	12	1	1.1
	Võ Thuật	1	15	2	12	1	1.1
	Bơi lội	1	15	2	12	1	1.1
II	Nhóm HP thuộc khối Xã hội Nhân văn	4	90	45	43	2	
II.1	Học phần bắt buộc						
II.2	Học phần tự chọn	4	90	45	43	2	

	Kỹ thuật soạn thảo văn bản	2	30	15	13	2	1.2, 3.3
	Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định	2	30	15	13	2	3.3
	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	2	30	15	13	2	3.3
	Tâm lý học đại cương	2	30	15	13	2	3.3
	Khởi sự kinh doanh	2	30	15	13	2	3.3
III	Nhóm HP thuộc khối Khoa học tự nhiên	3	45	25	18	2	
III.1	Học phần bắt buộc	3	45	25	18	2	
	Toán B	3	45	25	18	2	1.2
III.2	Học phần tự chọn						
II	CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN MÔN						
II.1	Học phần cơ sở (bắt buộc)	15	225	120	95	10	
	Kinh tế vi mô	3	45	25	18	2	1.2, 2.1
	Tài chính tiền tệ	3	45	25	18	2	1.2, 2.1
	Nguyên lý kế toán	4	60	30	28	2	1.2, 2.1
	Thuế	3	45	25	18	2	1.2, 2.1
	Quản trị học	2	30	15	13	2	1.2, 2.1
II.2	Học phần chuyên môn	42	630	285	313	32	
II.2.1	Học phần bắt buộc	38	570	255	285	30	
	Kế toán tài chính 1	4	60	30	28	2	2.1, 2.2, 2.3
	Kế toán tài chính 2	4	60	30	28	2	2.1, 2.2, 2.3
	Kế toán tài chính 3	3	45	25	18	2	2.1, 2.2, 2.3
	Kế toán chi phí	3	45	25	18	2	2.1, 2.2
	Tổ chức hạch toán kế toán	2	30	15	13	2	2.1, 2.2, 2.3
	Đồ án tổ chức hạch toán kế toán	1	15	0	13	2	2.1, 2.2, 2.3
	Kế toán quản trị	3	45	25	18	2	2.1, 2.2, 2.3
	Quản trị tài chính	3	45	25	18	2	2.1
	Kiểm toán cơ bản	3	45	25	18	2	2.1
	Luật kế toán	2	30	15	13	2	1.2, 2.1, 3.3
	Hệ thống thông tin kế toán 1	2	30	20	8	2	2.2
	Thực hành hệ thống thông tin kế toán 1	1	15		13	2	2.2
	Hệ thống thông tin kế toán 2	2	30	20	8	2	2.2
	Thực hành hệ thống thông tin kế toán 2	1	15		13	2	2.2

	Thực tập nghề nghiệp (8 tuần)	4	60		58	2	2.1, 2.2, 2.3, 3.1, 3.2, 3.3
II.2.2	Học phần tự chọn	4	60	30	28	2	
	Hệ thống thông tin kế toán 3	1	15	10	3	2	2.1
	Thực hành hệ thống thông tin kế toán 3	1	15		13	2	2.1
	Hệ thống thông tin kế toán 4	1	15	10	3	2	2.1
	Thực hành hệ thống thông tin kế toán 4	1	15		13	2	2.1
	Kế toán ngân hàng	2	30	15	13	2	2.1
	Kế toán hành chính sự nghiệp	2	30	15	13	2	2.1
	Tổng cộng	92	1.350	656	628	70	


TRƯỜNG KHOA/VIỆN


Nguyễn Châu Cường

P. TRƯỞNG PHÒNG ĐTDH


Lê Văn Phương

BAN CHỦ NHIỆM CTĐT


Trần Thủy Trang

HIỆU TRƯỞNG




Trương Thị Trung